

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 82 /QĐ-ĐHTNH-QLKH ngày 31 tháng 03 năm 2016 của  
Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội)

-----

**Tên chương trình:** KẾ TOÁN  
**Trình độ đào tạo:** Đại học  
**Ngành đào tạo:** Kế toán  
**Mã số:** D340301  
**Loại hình đào tạo:** Chính quy

## 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo Cử nhân ngành Kế toán có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt có đạo đức và trình độ chuyên môn đáp ứng các yêu cầu sau:

### 1.1 Về kiến thức:

Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực kế toán để vận dụng kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực kế toán.

### 1.2 Về kỹ năng:

Có khả năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kế toán trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực kế toán; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.

Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành kế toán; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

### 1.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được các kết luận về vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động

chuyên môn ở quy mô trung bình.

#### **1.4 Về phẩm chất, đạo đức:**

Có ý thức trách nhiệm công dân, tác phong công nghiệp; tuân thủ pháp luật của Nhà nước và các quy định có liên quan. Đảm bảo các tiêu chí và đạo đức của người làm nghề kế toán trên các nội dung: Thẳng thắn, trung thực, khách quan; độc lập trong hoạt động nghiệp vụ; có năng lực chuyên môn và có tính thận trọng; có ý thức và kỷ luật trong bảo mật thông tin có được từ mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh; có tinh thần đổi mới, năng động sáng tạo trong hoạt động chuyên môn; có thái độ hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp, có nếp sống lành mạnh và cầu tiến, tinh thần phục vụ cộng đồng.

#### **1.5 Vị trí công việc có thể đảm nhiệm:**

Cử nhân chuyên ngành Kế toán có thể đảm nhận các công việc chuyên môn về kế toán ở các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các đơn vị sử dụng kinh phí của Nhà nước; làm công tác giảng dạy, nghiên cứu trong các cơ sở đào tạo, các Viện nghiên cứu.

### **2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO**

Thời gian đào tạo: 4 năm, học theo tiến độ phù hợp với Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

### **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ**

#### **3.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 137 tín chỉ**

#### **3.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:**

<b>STT</b>	<b>Khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>44</b>
1.1	Lý luận chính trị	10
1.2	Khoa học tự nhiên	9
1.3	Khoa học xã hội	6
1.4	Ngoại ngữ	8
1.5	Giáo dục Thể chất & Giáo dục Quốc phòng - An ninh	11
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>93</b>
2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành	8
2.2	Kiến thức cơ sở ngành	34
2.3	Kiến thức chuyên ngành	33
2.5	Kiến thức bổ trợ	8
2.6	Thực tập cuối khóa và Luận văn tốt nghiệp	10
	<b>TỔNG CỘNG (1+2)</b>	<b>137</b>

#### 4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Công dân Việt Nam và người nước ngoài có đủ điều kiện, có nguyện vọng được tuyển vào Trường theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định tuyển sinh của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

#### 5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

##### 5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

##### 5.2. Công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học phần theo hệ thống tín chỉ và Quy định chuẩn đầu ra của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

#### 6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A,B,C,D,F.

#### 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
7.1		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (General Knowledge)</b>	<b>44</b>	
		<i>* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)</i>	<b>40</b>	
1	DCB.04.01	Tiếng Anh 1 (English 1)	4	
2	CDB.04.02	Tiếng Anh 2 (English 2)	4	
3	DCB.05.03	Tin học (Information Technology)	4	

4	DCB.03.03	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1 (Theories of Marxism - Leninism 1)	2	
5	DCB.03.04	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2 (Theories of Marxism -Leninism 2)	3	
6	DCB.03.05	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2	
7	DCB.03.01	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Revolutionary platform of Vietnam Communist party)	3	
8	DCB.05.05	Toán cao cấp (Advanced mathematics )	3	
9	DCB.05.02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theory of probability and mathematical statistics)	2	
10	DCB.03.06	Pháp luật đại cương (General law)	2	
11	DCB.01...	Giáo dục Thể chất (Physical educatino)	3	
12	DCB.01...	Giáo dục Quốc phòng - An ninh(National defense and security education)	8	
		<b>* Các học phần tự chọn(Optional courses)</b>	<b>4</b>	
13	DCB.03.08	Xã hội học (Sociology)	2	Chọn 2 trong 3 học phần
14	DCB.02.05	Kỹ năng thuyết trình (Presentation skills)	2	
15	DCB.03.09	Kỹ năng soạn thảo văn bản (Writing skills)	2	
<b>7.2</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>93</b>	
<b>7.2.1</b>		<b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b>	<b>8</b>	
		<b>* Các học phần bắt buộc(Compulsory courses)</b>	<b>6</b>	
16	DCB.02.04	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	
17	DCB.02.03	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	
		<b>* Các học phần tự chọn(Optional courses)</b>	<b>2</b>	
18	DCB.02.01	Kinh tế phát triển (Development economics)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
19	DCB.02.02	Kinh tế quốc tế (International economics)	2	
<b>7.2.2</b>		<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>34</b>	
20	DTN.02.07	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ (Theory of finance and money)	3	
21	DCB.02.06	Nguyên lý thống kê (Theory of statistics)	<b>3</b>	

22	DKT.01.20	Nguyên lý kế toán (Theory of Accounting)	3	
23	DQK.02.01	Quản trị học(Management studies)	3	
24	DQK.02.05	Maketing căn bản (Essentials of marketing	2	
25	DTN.02.19	Thuế (Taxation)	2	
26	DTN.02.13	Tài chính doanh nghiệp (Corporate finance )	3	
27	CDB.04.03	Tiếng Anh 3 (English 3)	4	
28	DCB.04.04	Tiếng Anh 4 (English 4)	4	
29	DCB.04.05	Tiếng Anh 5 (English 5)	4	
30	DCB.03.07	Pháp luật kinh tế(Economic law)	3	
<b>7.2.3</b>		<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>33</b>	
		<i>* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)</i>	<b>29</b>	
31	DKT.01.18	Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1)	3	
32	DKT.01.19	Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting 2)	3	
33	DTN.02.09	Phân tích tài chính doanh nghiệp (Corporate finance analysis)	3	
34	DKT.01.02	Chuẩn mực kế toán quốc tế (International accounting standards)	2	
35	DKT.02.03	Kiểm toán căn bản (Auditing fundamentals)	3	
36	DKT.01.20	Kế toán tài chính 3 (Financial Accounting 3)	3	
37	DKT.01.13	<b>Kế toán thương mại dịch vụ</b>	2	
38	DKT.01.16	Kế toán quản trị (Management Accounting)	4	
39	DKT.02.06	Kiểm toán Báo cáo tài chính (Financial statement audit)	3	
40	DKT.01.12	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting information syste:)	3	
		<i>* Các học phần tự chọn (Optional courses)</i>	<b>4</b>	
41	DKT.01.11	Kế toán hành chính, sự nghiệp (Accounting for public administrative entities)	2	Chọn 2 trong 3 học phần
42	DKT.01.13	Kế toán ngân hàng thương mại(Accounting for commercial banks)	2	
43	DKT.01.03	Kế toán đơn vị xây dựng cơ bản và kinh doanh bất động sản (Accounting unit construction and real	2	

		estate business)		
<b>7.2.4</b>		<b>Kiến thức bổ trợ</b>	<b>8</b>	
		<i>*Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)</i>	<b>6</b>	
44	DQK.02.05	Quản trị doanh nghiệp (Corporate governance)	2	
45	DTN.02.18	Thị trường tài chính (Financial market)	2	
46	DTN.01.02	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại (Commercial bank)	2	
47		<i>* Các học phần tự chọn (Optional courses)</i>	<b>2</b>	
48	DTN.02.04	Định giá tài sản (Asset pricing studies)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
49	DQK.02.07	Quản trị dự án đầu tư (Project management)	2	
<b>7.2.5</b>		<b>Thực tập cuối khóa và Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	
50	DQK.01.18	Thực tập cuối khóa (Graduation practice)	4	
51	DQK.01.19	Luận văn tốt nghiệp (Graduation thesis)	6	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>137</b>	

## 8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (được chi tiết theo học kỳ)

## 9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình tuân thủ chặt chẽ chương trình khung trình độ giáo dục đại học chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chương trình áp dụng theo Quy chế 43/QĐ-BGDĐT về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

Chương trình này được định kỳ xem xét, hiệu chỉnh hàng năm nhằm đáp ứng sự phát triển của chuyên ngành phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.